

**UỶ BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Số: 33/2018/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 10 năm 2018

Số công văn: 33/QĐ-UBND
Ký bởi: Ủy ban nhân dân
thành phố Đà Nẵng
Email:
vanthubnd@danang.gov.vn
Cơ quan: Thành phố Đà Nẵng
Ngày ký: 01.10.2018 09:35:20
+07:00

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về bảo vệ môi trường
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;

Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT ngày 01 tháng 9 năm 2017 của

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định kỹ thuật quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2018 và thay thế Quyết định số 9780/QĐ-UBND ngày 20/12/2005 của UBND thành phố về việc phân cấp quản lý và xử lý ô nhiễm các hồ, đầm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, Quyết định số 23/2010/QĐ-UBND ngày 10/8/2010 của UBND thành phố về ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 29/10/2014 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 23/2010/QĐ-UBND ngày 10/8/2010 của UBND thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Công Thương, Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Giáo dục và Đào tạo, Văn hoá và Thể thao, Du lịch, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông, Tư pháp; Giám đốc Công an thành phố; Trưởng ban: Ban Quản lý các Khu công nghiệp và Chế xuất, Khu Công nghệ cao; Chủ tịch UBND quận, huyện, phường, xã; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. / *pan*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT.HĐND, Đoàn ĐBQH t/phố;
- Chủ tịch, các PCT UBND thành phố;
- Ủy ban MTTQVN TP và các hội, đoàn thể tp;
- Các sở, ban, ngành;
- Công an TP, BCHQS TP, BCH ĐBĐP TP;
- UBND quận, huyện, xã, phường;
- Đài PTTH ĐN, Báo Đà Nẵng;
- Trung tâm THVN tại Đà Nẵng;
- Báo Đà Nẵng, Đài PT-TH Đà Nẵng;
- Công TTĐT thành phố;
- VP UBND TP: TH, KT, NC-KSTTHC;
- Lưu: VT, QLĐTh.

130



Huỳnh Đức Thơ

QUY ĐỊNH

Về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 33 /2018/QĐ-UBND
ngày 01 tháng 10 năm 2018 của UBND thành phố Đà Nẵng)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số nội dung bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (về đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường; cải tạo phục hồi môi trường, ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản; bảo vệ môi trường đất, nước, không khí; bảo vệ môi trường trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; bảo vệ môi trường đô thị, khu dân cư; quản lý chất thải; quan trắc môi trường; phân cấp quản lý nhà nước, biện pháp và nguồn lực, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trong bảo vệ môi trường).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong và ngoài nước hoạt động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Công tác bảo vệ môi trường thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và Quy định này.

2. Các sở, ban ngành, UBND quận, huyện, phường, xã phải đưa nội dung bảo vệ môi trường vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn, trung hạn, hàng năm.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG, ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CHI TIẾT, KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐƠN GIẢN

Điều 4. Đối tượng phải lập và lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường

1. Đối tượng thực hiện đánh giá tác động môi trường, lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường được quy định tại Điều 18, Điều 20 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, Điều 12, Điều 15 của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP.

2. Đối tượng đăng ký, lập và đăng ký lại kế hoạch bảo vệ môi trường được quy định tại Điều 29 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, Điều 18 của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP.

Điều 5. Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường thành lập Hội đồng thẩm định trên cơ sở Hội đồng khung đã được UBND thành phố phê duyệt; tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND thành phố; tổ chức kiểm tra, xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành đối với các dự án do UBND thành phố phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Điều 6. Tham vấn cộng đồng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường

1. Việc tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. UBND phường, xã và chủ dự án đồng chủ trì việc tham vấn với thành phần tham dự bao gồm:

- a) Cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án;
- b) Đại diện cho Ủy ban mặt trận tổ quốc cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ dân phố, thôn.

Điều 7. Trách nhiệm thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- a) Xác nhận vào mặt sau của trang phụ bì báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND thành phố;
- b) Tiếp nhận và tham mưu UBND thành phố xử lý các ý kiến đề xuất, kiến nghị của chủ dự án liên quan đến việc thực hiện các nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt.

2. UBND quận, huyện:

- a) Trực tiếp hướng dẫn việc đăng ký và tổ chức xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường cho đối tượng thuộc thẩm quyền;
- b) Tổ chức điều tra, lập danh sách các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động có tính chất và quy mô tương đương đối tượng lập kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của UBND quận, huyện nhưng chưa được xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định; hướng dẫn các cơ sở

sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nói trên lập thủ tục theo quy định.

Mục 2

CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG VÀ KÝ QUỸ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Điều 8. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan về cải tạo, phục hồi môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Thành lập Hội đồng thẩm định trên cơ sở Hội đồng khung đã được UBND thành phố phê duyệt; tổ chức thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND thành phố;

b) Xác nhận vào mặt sau của trang phụ bì của phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung sau khi phương án được UBND thành phố phê duyệt.

2. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công thương và các cơ quan có liên quan thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công đối với các dự án khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.

3. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản: Thực hiện đúng những nội dung trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt.

Điều 9. Cải tạo, phục hồi môi trường tại các mỏ khai thác khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản chưa thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường theo đúng phương án hoặc phương án bổ sung được phê duyệt nhưng đã bị giải thể hoặc bị phá sản:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được UBND thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt;

b) UBND quận, huyện thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được UBND quận, huyện phê duyệt.

2. Kinh phí thực hiện việc cải tạo, phục hồi môi trường đối với các đối tượng thuộc khoản 1 Điều này được sử dụng từ nguồn ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường tổ chức, cá nhân đã thực hiện ký quỹ. Trường hợp không bảo đảm kinh phí thực hiện, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND thành phố xem xét, quyết định.

Mục 3

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG AO, HỒ, BIỂN, VEN BỜ, KHÔNG KHÍ VÀ THỬA ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG

Điều 10. Bảo vệ môi trường đối với các thửa đất chưa sử dụng

1. Trách nhiệm của người sử dụng đất:

a) Giữ gìn vệ sinh môi trường tại thửa đất được giao quyền sử dụng đất; trường hợp thửa đất bị ô nhiễm môi trường phải có trách nhiệm dọn vệ sinh bảo đảm môi trường và cảnh quan đô thị;

b) Người sử dụng đất là cá nhân thực hiện ký cam kết bảo vệ môi trường với cơ quan đăng ký đất đai tại các quận, huyện khi được cấp, cấp chuyển đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hợp đồng giao đất, thuê đất hoặc quyết định giao đất;

c) Người sử dụng đất là tổ chức thực hiện ký cam kết bảo vệ môi trường với Sở Tài nguyên và Môi trường khi được cấp, cấp chuyển đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hợp đồng giao đất, thuê đất hoặc quyết định giao đất;

d) Trong trường hợp thửa đất chưa sử dụng bị ô nhiễm môi trường nhưng người sử dụng đất không có các biện pháp khắc phục, cơ quan nhà nước sẽ thực hiện các biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường;

đ) Người sử dụng đất phải hoàn trả chi phí cho việc thực hiện điểm d khoản 1 Điều này (nếu có) trước khi giải quyết các thủ tục hành chính về môi trường và thực hiện các quyền của người sử dụng đất theo quy định.

2. Trách nhiệm của UBND phường, xã:

a) Thực hiện quản lý công tác vệ sinh môi trường các thửa đất chưa sử dụng trên địa bàn, trường hợp vượt thẩm quyền báo cáo UBND quận, huyện xử lý theo quy định;

b) Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân trên địa bàn trong việc bảo đảm vệ sinh môi trường các thửa đất chưa sử dụng theo quy định;

c) Lập đường dây nóng, công khai và tiếp nhận các thông tin phản ánh từ tổ chức, cá nhân, hộ gia đình để kịp thời xử lý;

d) Trực tiếp tổ chức các biện pháp nhằm bảo đảm vệ sinh môi trường các thửa đất chưa sử dụng trên địa bàn đối với người sử dụng là cá nhân sau khi UBND quận, huyện quyết định từng trường hợp cụ thể;

đ) Thường xuyên kiểm tra, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm vệ sinh môi trường tại các thửa đất chưa sử dụng theo thẩm quyền.

3. Trách nhiệm của UBND quận, huyện:

a) Thực hiện quản lý công tác vệ sinh môi trường các thửa đất chưa sử dụng trên địa bàn; trường hợp vượt thẩm quyền báo cáo UBND thành phố xử lý theo quy định;

b) Trường hợp thửa đất chưa sử dụng của tổ chức không bảo đảm vệ sinh môi trường, UBND quận, huyện yêu cầu người sử dụng đất để thực hiện điểm a khoản 1 Điều này. Trường hợp không thực hiện, UBND quận, huyện thực hiện các biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường.

4. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường đối với các thửa đất chưa sử dụng;

b) Tổ chức ký cam kết bảo vệ môi trường đối với người sử dụng đất. Trước ngày 30 hàng tháng, tổng hợp gửi các bản cam kết bảo vệ môi trường cho UBND quận, huyện, phường, xã liên quan để quản lý vệ sinh môi trường;

c) Xây dựng và ban hành mẫu cam kết bảo vệ môi trường để người sử dụng đất ký cam kết.

Điều 11. Bảo vệ môi trường hồ, ao

1. Công tác bảo vệ môi trường hồ, ao gồm một số nội dung chính như sau:

a) Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý ô nhiễm tại các hồ, ao;

b) Quản lý xây dựng, trật tự đô thị, vệ sinh môi trường tại khu vực hồ, ao;

c) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền có hoạt động xả thải vào hồ, ao;

d) Định kỳ đánh giá hiện trạng môi trường các hồ, ao;

đ) Chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong việc xã hội hóa, huy động tổ chức, cá nhân sử dụng vùng mặt nước và ven hồ nhưng bảo đảm vệ sinh môi trường, xử lý ô nhiễm, cải thiện môi trường nước;

e) Truyền thông, phổ biến, giáo dục chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường hồ, ao.

2. Tổ chức, cá nhân được giao khai thác, sử dụng đất ven hồ, ao và mặt nước ao, hồ phải có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường và điểm a khoản 1 Điều này;

3. UBND quận, huyện có trách nhiệm:

a) Thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đối với các hồ, ao trên địa bàn. Riêng hồ Đò Xu do UBND quận Hải Châu quản lý;

b) Báo cáo kết quả thực hiện gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 25 tháng 12 hàng năm để tổng hợp trình UBND thành phố.

Điều 12. Bảo vệ môi trường biển, ven bờ

1. Nghiêm cấm các hành vi thải, đổ hóa chất, chất thải chưa qua xử lý và các hành vi khác có tác động xấu đến môi trường biển, ven bờ.

2. Các nguồn phát thải từ đất liền, các hoạt động trên biển và hải đảo phải được kiểm soát, ngăn ngừa, giảm thiểu và xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Việc phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trên biển và hải đảo phải có sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức cứu hộ, cứu nạn và tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

4. Tổ chức, cá nhân hoạt động trên biển và hải đảo phải chủ động ứng phó sự cố môi trường và có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan khác trong ứng phó sự cố môi trường.

Điều 13. Bảo vệ môi trường không khí

1. Tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phát thải khí tác động xấu đến môi trường có trách nhiệm giảm thiểu và xử lý bảo đảm chất lượng môi trường không khí theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các Khu công nghiệp và Chế xuất, Ban quản lý Khu công nghệ cao, UBND quận, huyện và các cơ sở liên quan theo dõi, đánh giá chất lượng môi trường không khí xung quanh; trường hợp môi trường không khí xung quanh bị ô nhiễm thì phải cảnh báo, xử lý kịp thời.

Mục 4

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH, DỊCH VỤ VÀ LÀNG NGHỀ

Điều 14. Trách nhiệm của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

1. Thực hiện đầy đủ các nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản, đề án bảo vệ môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, bảng đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc phương án, dự án, đề án cải tạo phục hồi môi trường đã được phê duyệt hoặc xác nhận.

2. Lập kế hoạch quản lý môi trường và vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

3. Đối với các dự án thuộc đối tượng phải báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường theo quy định tại cột 4 Phụ lục II Nghị định số 18/2015/NĐ-CP phải lập hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án trình cơ quan thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường để kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định.

4. Chấp hành chế độ thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường.

5. Ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường, nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định hiện hành.

6. Bố trí bộ phận chuyên môn và nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường theo quy định.

7. Thực hiện các quy định tại Điều 68 Luật Bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan.

Điều 15. Bảo vệ môi trường làng nghề

1. Các cơ sở sản xuất trong làng nghề có trách nhiệm:

a) Thực hiện các nội dung theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP;

Các cơ sở sản xuất trong làng nghề thuộc ngành nghề được khuyến khích phát triển chưa có báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản phải lập báo cáo về các biện pháp bảo vệ môi trường gửi về UBND phường, xã để kiểm tra, quản lý theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 17 Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT.

Tổ chức thực hiện các nội dung về bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc theo báo cáo về các biện pháp bảo vệ môi trường hoặc hồ sơ pháp lý tương đương.

b) Những cơ sở sản xuất không thuộc ngành nghề được khuyến khích phát triển tại làng nghề phải thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường tại Điều 14 của quy định này hoặc phải thực hiện một trong các biện pháp sau: Di dời vào khu, cụm công nghiệp bên ngoài khu dân cư; chuyển đổi ngành nghề sản xuất; chấm dứt hoạt động sản xuất;

c) Đóng góp đầy đủ các loại phí bảo vệ môi trường và nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật cho hoạt động bảo vệ môi trường của làng nghề;

d) Không cho phép thành lập mới các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, được quy định cụ thể tại Phụ lục 4 Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Đánh giá mức độ ô nhiễm làng nghề và phân loại các làng nghề theo quy định;

b) Việc đánh giá, phân loại làng nghề theo mức độ ô nhiễm môi trường được thực hiện định kỳ 02 năm/lần.

3. Trách nhiệm của các sở, ban ngành, UBND quận, huyện, phường, xã thực hiện theo quy định tại Chương IV Nghị định số 19/2015/NĐ-CP và Chương III Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT.

Mục 5

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG KHU DÂN CƯ

Điều 16. Yêu cầu bố trí các ngành nghề sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

1. Các ngành nghề sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được phép hoạt động trong khu dân cư phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố; quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, quy hoạch ngành đã được phê duyệt;

b) Vị trí thực hiện dự án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải bảo đảm khoảng cách an toàn về môi trường, khoảng cách bảo vệ vệ sinh theo quy định.

2. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trong khu dân cư gây ô nhiễm môi trường thì bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

3. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý Khu công nghiệp và chế xuất, khu công nghệ cao và các cơ quan, đơn vị liên quan lập quy hoạch khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung, khu sản xuất tập trung đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường để di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường và không đáp ứng các yêu cầu tại khoản 1 và 2 Điều này.

4. UBND quận, huyện tiến hành rà soát các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không đáp ứng theo quy định tại khoản 1 Điều này; Lập danh sách, đề xuất UBND thành phố bố trí địa điểm và lộ trình để di dời đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn, ưu tiên giải quyết những cơ sở gây ô nhiễm và không thể khắc phục theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Điều 17. Khuyến khích việc thành lập các tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường tại các khu dân cư

1. UBND quận, huyện tạo điều kiện cho các tổ chức tự quản hoạt động, học hỏi, trao đổi kinh nghiệm.

2. UBND phường, xã có trách nhiệm quy định về hoạt động của các tổ chức tự quản bảo vệ môi trường và tạo điều kiện để các tổ chức tự quản hoạt động hiệu quả.

Mục 6 QUẢN LÝ CHẤT THẢI

Điều 18. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Trách nhiệm của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phát sinh chất thải rắn sinh hoạt:

a) Thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP và các quy định khác liên quan;

b) Trong thời gian lưu giữ, chủ nguồn thải không để chất thải rơi vãi, rò rỉ, phát tán ra môi trường; chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt đúng giờ, đúng nơi quy định cho đơn vị cung cấp dịch vụ vệ sinh môi trường;

c) Kịp thời phản ánh, kiến nghị đến UBND quận, huyện, phường, xã về việc phân loại, thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn không đúng quy định pháp luật.

2. UBND quận, huyện có trách nhiệm:

a) Lập và tổ chức thực hiện phương án thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn;

b) Chịu trách nhiệm bảo đảm vệ môi trường tại các vị trí tập kết rác thải sinh hoạt trên địa bàn;

c) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra UBND phường, xã trong việc thực hiện các quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

d) Đề xuất xây dựng các điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn bảo đảm vệ sinh môi trường;

đ) Tổ chức tuyên truyền, giáo dục pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt; thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về quản lý chất thải rắn trên địa bàn;

e) Định kỳ hàng năm báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn, thời điểm báo cáo trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo.

3. UBND phường, xã có trách nhiệm:

a) Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc nhắc nhở các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trên địa bàn chấp hành việc lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt theo quy định;

b) Tổ chức tuyên truyền, giáo dục pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt; kịp thời phát hiện và xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về quản lý chất thải rắn trên địa bàn.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu trình UBND thành phố phê duyệt phương án và hướng dẫn thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố.

Điều 19. Quản lý chất thải nguy hại

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, UBND quận, huyện và các cơ quan đơn vị liên quan lập kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn trình UBND thành phố phê duyệt.

2. Lập kế hoạch thu gom, vận chuyển, lưu giữ, trung chuyển chất thải nguy hại của các chủ nguồn thải chất thải nguy hại có khối lượng phát sinh thấp hơn 600 (sáu trăm) kg/năm hoặc chưa đủ điều kiện tổ chức thực hiện thu gom, vận chuyển trình UBND thành phố phê duyệt theo quy định.

3. Hướng dẫn sử dụng Sổ giao nhận chất thải y tế nguy hại hoặc chất thải nguy hại của các đối tượng thuộc khoản 2 Điều này.

Điều 20. Quản lý nước thải

1. Nước thải từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong khu công

nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, làng nghề phải xử lý bảo đảm yêu cầu đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung hoặc theo quy định của chủ sở hữu hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, làng nghề.

2. Nước thải từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, hộ gia đình đầu nối vào hệ thống thoát nước đô thị phải xử lý đạt yêu cầu theo quy định của UBND thành phố.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì xây dựng quy chuẩn kỹ thuật môi trường địa phương về nước thải trình UBND thành phố ban hành.

Mục 7 **QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG**

Điều 21. Quan trắc môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức chương trình quan trắc môi trường, quản lý số liệu và báo cáo UBND thành phố, Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

2. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trừ các cơ sở quy định tại khoản 3 Điều 25 Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT hoặc khu, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, làng nghề phải tổ chức quan trắc chất lượng môi trường, tác động môi trường từ các cơ sở do đơn vị quản lý; thống kê, lưu trữ số liệu quan trắc, các nguồn thải, chất thải từ hoạt động tại đơn vị và các tác động đối với môi trường.

Điều 22. Quy định về quan trắc, giám sát nước thải và khí thải tự động, liên tục

1. Đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 39 và khoản 1 Điều 47 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP và nội dung tại Quy định này.

Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có lưu lượng nước thải từ 500 m³ đến dưới 1.000 m³/ngày đêm và có nguồn tiếp nhận là đầu nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước hoặc khu vực biển phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục và truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục phải đáp ứng các yêu cầu chung, đặc tính kỹ thuật, tính năng của hệ thống, yêu cầu về nhận, truyền và quản lý dữ liệu theo đúng quy định tại Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT.

Mục 8 **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, TỔ CHỨC XÃ HỘI NGHỀ NGHIỆP VÀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Điều 23. Trách nhiệm của các sở, ban ngành

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- a) Chịu trách nhiệm trước UBND thành phố trong việc quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố;
- b) Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quy định này;
- c) Phối hợp với các sở, ban ngành trong việc giải quyết các vấn đề môi trường; tham mưu UBND thành phố nội dung và biện pháp để giải quyết các vấn đề môi trường ở phạm vi liên tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành, UBND quận, huyện tham mưu UBND thành phố xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công gắn liền với công tác bảo vệ môi trường;
- b) Tham mưu trình UBND thành phố cân đối vốn đầu tư xây dựng cơ bản cho các công trình, dự án liên quan đến lĩnh vực môi trường;
- c) Chủ trì hoặc phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan đề xuất các cơ chế, chính sách đầu tư cho bảo vệ môi trường, dự án kêu gọi đầu tư bảo vệ môi trường trong và ngoài nước.

3. Sở Xây dựng: Chịu trách nhiệm về quy hoạch đô thị gắn với bảo vệ môi trường và hướng dẫn thực hiện quy hoạch đô thị đã được phê duyệt; quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải.

4. Sở Công thương: Chịu trách nhiệm quản lý, bảo vệ môi trường tại các chợ, trung tâm thương mại, siêu thị và các đơn vị trong phạm vi quản lý.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chịu trách nhiệm quản lý bảo vệ tài nguyên rừng và phát triển rừng; bảo vệ nguồn lợi thủy sản và môi trường các cơ sở nuôi trồng thủy sản; quản lý, bảo vệ các công trình thủy lợi; thực hiện công trình cấp nước sạch nông thôn; quản lý việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và phân bón và các hoạt động khác theo lĩnh vực quản lý.

6. Sở Giao thông Vận tải: chủ trì, phối hợp các đơn vị chức năng liên quan quản lý và kiểm soát ô nhiễm môi trường đối với các phương tiện giao thông trên địa bàn thành phố.

7. Sở Y tế:

- a) Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn thành phố trình UBND thành phố phê duyệt;
- b) Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở y tế.

8. Ban quản lý Khu công nghiệp và chế xuất, khu công nghệ cao, làng nghề chịu trách nhiệm quản lý môi trường trong phạm vi thuộc thẩm quyền quản lý

của Ban, đơn vị và phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường khi cần thiết.

9. Sở Tài chính phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ban ngành, địa phương tham mưu UBND thành phố trình HĐND thành phố hàng năm về kinh phí sự nghiệp môi trường trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách.

10. Công an thành phố:

a) Chịu trách nhiệm về công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường; kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các phương tiện giao thông lưu thông không bảo đảm môi trường;

b) Điều tra, khởi tố, xử lý hình sự các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

11. Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm về chức năng giáo dục công tác bảo vệ môi trường trong trường học ở các bậc học do ngành quản lý.

12. Sở Thông tin và Truyền thông: chủ trì, phối hợp với các cơ quan thực hiện tốt công tác tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường; phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức các hình thức truyền thông, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường.

13. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Hướng dẫn, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân;

b) Khuyến khích xây dựng các đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực bảo vệ môi trường như đầu tư phát triển công nghệ sạch, công nghệ thân thiện với môi trường, các giải pháp xử lý môi trường.

14. Sở Văn hóa và Thể thao chịu trách nhiệm quản lý, bảo vệ môi trường trong hoạt động lễ hội và các lĩnh vực do ngành quản lý.

15. Sở Du lịch chịu trách nhiệm quản lý, bảo vệ môi trường tại các điểm, khu, đơn vị kinh doanh du lịch trong phạm vi quản lý.

16. Báo Đà Nẵng, Đài Phát thanh Truyền hình Đà Nẵng, Cổng thông tin điện tử thành phố và đề nghị các cơ quan thông tấn báo chí của Trung ương đóng trên địa bàn thành phố thực hiện tốt công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường, xây dựng các chuyên mục nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường; phát hiện và phối hợp với các cơ quan chức năng kịp thời ngăn chặn, xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường; nêu điển hình các tổ chức, cá nhân có thành tích trong bảo vệ môi trường.

Điều 24. UBND quận, huyện

Thực hiện các quy định tại Khoản 2 Điều 143 Luật Bảo vệ môi trường và các quy định cụ thể tại quy định này.

1. Chủ tịch UBND quận, huyện chịu trách nhiệm trước UBND thành phố về việc bảo vệ môi trường trên địa bàn.

2. Chỉ đạo thực hiện công khai thủ tục hành chính về môi trường tại quận,

huyện, phường, xã; Tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy xác nhận đối với kế hoạch bảo vệ môi trường cho các dự án thuộc thẩm quyền.

3. Biên chế đủ cán bộ chuyên môn làm công tác bảo vệ môi trường, nâng cao hiệu quả quản lý môi trường trên địa bàn.

4. Dành không dưới 1% (một phần trăm) trong tổng chi ngân sách quận, huyện cho công tác bảo vệ môi trường, bố trí và sử dụng hiệu quả, đúng mục đích nguồn vốn sự nghiệp môi trường.

5. Tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường.

6. Phối hợp với các quận, huyện có liên quan giải quyết các vấn đề môi trường liên quận, huyện.

7. Chỉ đạo UBND phường, xã trong quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

Điều 25. UBND phường, xã

Thực hiện các quy định tại Khoản 3 Điều 143 Luật Bảo vệ môi trường và các quy định cụ thể tại Quy định này.

1. Chỉ đạo các tổ dân phố, thôn xây dựng quy ước, hương ước về bảo vệ môi trường.

2. Ưu tiên bố trí kinh phí sự nghiệp môi trường và các nguồn kinh phí khác cho công tác quản lý môi trường, đầu tư, sửa chữa, cải tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường tại các làng nghề; tổ chức tiếp nhận và đối ứng kinh phí các dự án đầu tư xử lý môi trường cộng đồng.

3. Thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, quy ước bảo vệ môi trường đối với hộ gia đình, cá nhân, các cơ sở sản xuất và làng nghề trên địa bàn.

4. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về bảo vệ môi trường, biểu dương gương người tốt, việc tốt.

5. Chủ tịch UBND phường, xã để xảy ra tình trạng ô nhiễm, sự cố môi trường nghiêm trọng trên địa bàn, phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND quận, huyện.

6. Bố trí cán bộ phụ trách môi trường, có kế hoạch thường xuyên bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ môi trường.

7. Đồng chủ trì với chủ dự án tổ chức tham vấn cộng đồng về triển khai các dự án thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định.

Điều 26. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp

1. Tham gia thực hiện và giám sát việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố.

2. Tham gia công tác tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao ý thức và thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường.

3. Tham gia tư vấn, phản biện về bảo vệ môi trường với cơ quan quản lý nhà nước và chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có liên quan theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Hàng năm, ngân sách thành phố bố trí chi thường xuyên cho sự nghiệp bảo vệ môi trường không dưới 1% (một phần trăm) trong tổng chi ngân sách thành phố.

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị liên quan tổng hợp kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường, báo cáo UBND thành phố trình HĐND thành phố thông qua.

Điều 28. Huy động nguồn lực thực hiện công tác bảo vệ môi trường

1. Tăng cường nguồn lực và đa dạng hoá nguồn vốn đầu tư bảo vệ môi trường từ nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức, các chương trình hợp tác quốc tế, nguồn thu phí môi trường, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư cho hoạt động bảo vệ môi trường.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp các sở, ban ngành liên quan và UBND các quận, huyện tham mưu UBND thành phố tổ chức xã hội hoá các hoạt động bảo vệ môi trường;

b) Chủ trì phối hợp Sở Tài chính và các sở, ban ngành, UBND quận, huyện liên quan tham mưu UBND thành phố vận hành có hiệu quả Quỹ Bảo vệ môi trường thành phố Đà Nẵng để huy động các nguồn lực của Nhà nước và tranh thủ sự ủng hộ, hỗ trợ của cộng đồng, các tổ chức trong, ngoài nước, các tổ chức quốc tế để tập trung giải quyết các vấn đề môi trường bức xúc ưu tiên, cần thiết.

3. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ban ngành, UBND quận, huyện liên quan lập các dự án bảo vệ môi trường cụ thể của đơn vị để kêu gọi thu hút đầu tư nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức, đặc biệt chú trọng các dự án liên quan đến xử lý nước thải, chất thải rắn, không khí và tiếng ồn, chất thải y tế.

Điều 29. Trách nhiệm thanh tra, kiểm tra bảo vệ môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; tham mưu UBND thành phố giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường của chủ dự án, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định của pháp luật;

b) Phối hợp kiểm tra, thanh tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn do Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có thẩm quyền đề nghị thực hiện.

2. Ban quản lý các khu công nghiệp, khu công nghệ cao có trách nhiệm:

a) Kiểm tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường, tham mưu UBND thành phố giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường của chủ dự án, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong các khu công nghiệp, khu công nghệ cao. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, kịp thời lập biên bản để chuyển đến người có thẩm quyền xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

b) Phối hợp với UBND quận, huyện, các sở, ban, ngành liên quan kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường, xử lý ô nhiễm môi trường.

3. UBND quận, huyện có trách nhiệm:

a) Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết, khắc phục sự cố môi trường;

b) Phối hợp với chủ đầu tư dự án, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan xử lý sự cố môi trường xảy ra trong quá trình thực hiện dự án theo quy định của pháp luật.

4. UBND phường, xã có trách nhiệm:

a) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của hộ gia đình, cá nhân có sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn; Phát hiện và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường hoặc báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cấp trên trực tiếp;

b) Đề xuất, kiến nghị UBND quận, huyện và các cơ quan chuyên môn xử lý vi phạm đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn;

c) Hòa giải tranh chấp về môi trường phát sinh trên địa bàn theo quy định của pháp luật về hòa giải.

Điều 30. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Khen thưởng:

Các tổ chức, cá nhân có nhiều thành tích, đóng góp cho công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố sẽ được xem xét lập hồ sơ đề nghị xét tặng giải thưởng môi trường thành phố Đà Nẵng và giải thưởng môi trường Quốc gia theo quy định.

2. Xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường:

Việc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 155/2016/NĐ-CP và các quy định khác có

liên quan.

Điều 31. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND quận, huyện, phường, xã, tổ chức, cá nhân kịp thời báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, tham mưu UBND thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./. *Ma*



Huỳnh Đức Thơ